

Thì Tương lai gần: **be going to** (sẽ, dự định).

Câu khẳng định: S + be + going to + động từ nguyên mẫu không "to".

Câu phủ định: S + be + not + going to + động từ nguyên mẫu không "to".

Câu nghi vấn - Câu hỏi: be + S + going to + động từ nguyên mẫu không "to"?

Câu hỏi WHAT với "be going to":

What + be + S + going to + động từ + for/ on + sự kiện sẽ diễn ra?

Ex: Chia động từ ở thì Tương lai đơn hoặc tương lai gần.

1. "I am not going to play soccer this afternoon."
2. "What _____ you _____ (do)?"
3. Look at those clouds. It _____ (rain)
4. I feel terrible. I think I _____ (be) sick.
5. "Tom had an accident last night." "Oh! I see I _____ (visit) him"
6. I think Li Li _____ (like) the present we bought for her.
7. We _____ visit our grand parents this evening.
8. "Nam phoned you while you were out." "OK. I _____ (call) him back."
9. I am tidy the room. I _____ (hold) my birthday tonight.
10. I _____ (see) the movie Dream City this evening.
11. "Don't play soccer here again." "I'm sorry. I _____ (do) that again."

Ex 2: Chia dạng đúng của từ trong ngoặc

1. She _____ (have) a birthday party.
2. Tom _____ (pass) his exams.
3. I _____ (make) sausages for lunch.
4. They _____ (go) to England.
5. My sister _____ (do) her English homework.
6. It _____ (fall) down.
7. We _____ (visit) our relatives.
8. The children _____ (surf) the web.